

## BÁO CÁO

### THAM VẤN - ĐÁNH GIÁ RỦI RO NGUỒN MŨ NGUYÊN LIỆU KHAI THÁC TỪ CÁC ĐỘI SẢN XUẤT NĂM 2025

(Theo các yêu cầu của tiêu chuẩn VFCS/PEFC - ST 1003:2019 ; PEFC - ST 2002:2022  
và các quy định của Luật pháp Việt Nam)

Thực hiện thông báo số 10/TB-BCĐPTBV về việc Tham vấn – Thẩm định DDS Hệ thống VFCS/PEFC-FM và chuỗi hành trình sản phẩm PEFC/CoC tại Tổng Công ty đã được Tổng Giám đốc – Trưởng Ban chỉ đạo Phát triển bền vững ký ngày 31/10/2025. Đoàn tham vấn - thẩm định đã hoàn thành chương trình và báo cáo kết quả cụ thể như sau:

#### 1. Các yêu cầu của chương trình tham vấn - thẩm định DDS:

- Thực hiện tại 08 xã, 03 phường thuộc tỉnh Đồng Nai gồm:
  - + Xã: Dầu Giây, La Ngà, Xuân Đường, Long Phước, Cẩm Mỹ, Bình An, Long Thành và Xuân Quế
  - + Phường: Xuân Lập, Bình Lộc và Hàng Gòn.
- Thực hiện tại 01 xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: xã Châu Đức.
- Gửi thư tham vấn đến Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Đồng Nai.

#### 2. Những yêu cầu đặc biệt:

Chương trình tham vấn - thẩm định của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai được thực hiện việc đánh giá sự tuân thủ của các hạng mục về các rủi ro đáng kể về nguồn gốc và chuỗi cung ứng trong tiêu chuẩn VFCS/PEFC - ST 2013:2019 và PEFC - ST 2002:2022 và các chính sách về Môi trường, An sinh Xã hội, Kinh tế...mà Tổng Công ty Cao su Đồng Nai đang thực hiện trên các địa bàn các Đội đóng chân.

#### 3. Chương trình đánh giá được thực hiện cho các Đội sản xuất bao gồm:

STT	Đội	Địa điểm tham vấn -thẩm định
1	An Lộc	- Phường Xuân Lập, Tỉnh Đồng Nai - Xã Dầu Giây, Tỉnh Đồng Nai
2	Bình Lộc	- Phường Bình Lộc, Tỉnh Đồng Nai - Xã La Ngà, Tỉnh Đồng Nai
3	Cẩm Đường	- Xã Xuân Đường, Tỉnh Đồng Nai - Xã Long Phước, Tỉnh Đồng Nai
4	Cẩm Mỹ	- Xã Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai. - Xã Châu Đức, TP.HCM
5	Long Thành	- Xã Bình An, Tỉnh Đồng Nai - Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

STT	Đội	Địa điểm tham vấn -thăm định
6	Ông Quế	- Phường Hàng Gòn, Tỉnh Đồng Nai - Xã Xuân Quế, Tỉnh Đồng Nai

#### 4. Danh sách đoàn tham vấn - thăm định

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ	Trách nhiệm
1	Lê Thị Lệ Hằng	Đại học, Ths	Trưởng phòng QLCL	Trưởng đoàn
2	Nguyễn Quang Trường	Đại học	Phó phòng QLCL	Phó đoàn
3	Lê Thị Minh Nhâm	Đại học	CV. phòng QLCL	Thư ký
4	Trần Thanh	Đại học, TS	GD. Xí nghiệp CBCS	Thành viên
5	Phạm Đăng Nam	Đại học	Phó phòng QLKT	Thành viên
6	Nguyễn Việt Tuấn	Đại học	Phó phòng TTBVQS	Thành viên
7	Huỳnh Tấn Thọ	Đại học	GD. Đội Ông Quế	Thành viên
8	Thái Thị Oanh	Đại học	GD. Đội Long Thành	Thành viên
9	Bùi Văn Sơn	Đại học	GD. Đội Bình Lộc	Thành viên
10	Nguyễn Đức Cường	Đại học	GD. Đội An Lộc	Thành viên
11	Lê Đắc Tâm	Đại học	GD. Đội Cẩm Đường	Thành viên
12	Lê Phú Thịnh	Đại học	PGĐ PTC Đội Cẩm Mỹ	Thành viên
13	Nguyễn Trọng Nhân	Đại học	PGĐ. Xí nghiệp CBCS	Thành viên
14	Nguyễn Thành Tâm	Đại học	PGĐ. Xí nghiệp CBCS	Thành viên
15	Nguyễn Hữu Chánh	Đại học	PGĐ. Xí nghiệp CBCS	Thành viên
16	Lê Bá Thông	Đại học	CV. phòng QLCL	Thành viên

#### 5. Thời gian và phương pháp tham vấn - thăm định

- Thời gian: từ ngày 05/11 đến 19/11/2025.
- Quá trình thực hiện:

##### 5.1 Thu thập thông tin

- Lập danh sách các Đội sản xuất với các thông tin về tên thương mại của nguyên liệu, tên thường và tên khoa học của loài cây, địa chỉ văn phòng đội, giống cây, diện tích khai thác, xác định nguồn nguyên liệu.
- Xác định tọa độ địa lý của khu rừng trồng bằng hệ thống bản đồ ARCGIS.
- Tiến hành đánh giá hiện trạng tại các Đội sản xuất.
- Phỏng vấn các bên liên quan (Lãnh đạo địa phương; Cán bộ Địa chính, Môi trường; Hội nông dân; Trưởng Ấp, Trưởng Khu phố, người lao động và người dân địa phương ...)
- Sử dụng dữ liệu từ tham vấn các tổ chức phi chính phủ và tổ chức thuộc chính phủ cơ quan thuộc tỉnh Đồng Nai.
- Tổng hợp các hồ sơ bằng chứng, phiếu phỏng vấn các bên liên quan và kết luận.

## 5.2 Đánh giá rủi ro

Hiện nay, Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đang quản lý 06 Đội sản xuất khai thác nguồn nguyên liệu mủ cao su thiên nhiên để sản xuất bao gồm: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành và Ông Quế.

- Ngoài ra, Tổng Công ty cũng tiến hành thu mua nguyên liệu ở các hộ tiểu điền (nguồn nguyên liệu này chưa đưa vào sản xuất theo tiêu chuẩn PEFC/CoC).
- Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai phân loại 03 nguồn nguyên liệu đầu vào thành 02 nhóm “rủi ro không đáng kể” và ‘rủi ro đáng kể” như sau:

Nguồn nguyên liệu có chứng nhận VFCS/PEFC – FM là nguồn rủi ro không đáng kể: An Lộc, Bình Lộc (100% PEFC).

Nguồn nguyên liệu chưa có chứng nhận: Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế (CS).

Nguồn thu mua tiểu điền: Mủ hợp pháp – nguyên liệu khác theo định nghĩa PEFC (HP).

- Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đánh giá rủi ro ở cấp độ rủi ro nguồn gốc và rủi ro ở chuỗi cung ứng cho các nguồn nguyên liệu từ các nông trường chưa được chứng nhận.
- Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai trong quá trình đánh giá rủi ro các chỉ số trong danh sách các “rủi ro đáng kể” và ‘rủi ro không đáng kể” đã tiến hành tham vấn các bên liên quan, hình thức tham vấn của công ty được thực hiện bằng 02 hình thức tham vấn trực tiếp và tham vấn gián tiếp.

## 6. Danh sách các chỉ số “rủi ro không đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc và chuỗi cung ứng

Các chỉ số
<p>a) Các nông trường cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận.</p> <p>b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi.</p> <p>Hiện nay, Tổng Công ty đang có 02 Đội thực hiện chứng nhận VFCS/PEFC - FM: An Lộc, Bình Lộc do đó các Đội sản xuất này có chỉ số rủi ro không đáng kể.</p>
<p>c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định:</p> <p>i. Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5 và</p> <p>ii. Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học nếu</p>

có.

iii. Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng và

iv. Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó.

v. Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi”

Không áp dụng N/A

## 7. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc.

Các chỉ số	
<p>a. Các hoạt động không tuân thủ luật pháp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế về quản lý rừng; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng; tài sản, quyền sử dụng đất cho người bản địa, cộng đồng địa phương hoặc các bên liên quan khác; sức khỏe, lao động và an toàn; tham nhũng và trả tiền bản quyền và thuế.</p> <p>Các Đội: Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế, trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế liên quan, Tổng Công ty đã công bố chính sách Chuỗi hành trình Sản phẩm để cam kết việc tuân thủ các điều khoản trong tiêu chuẩn PEFC – CoC, ngoài ra Tổng Công ty cũng còn thực hiện nhiều biện pháp, hoạt động để chứng minh việc Tổng Công ty tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn.</p>	Rủi ro đáng kể
<p>i. Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI) của quốc gia thấp hơn 50 hoặc Chỉ số luật pháp -WJP của quốc gia thấp hơn 0,5.</p> <p>Hiện nay, theo đánh giá của các tổ chức Quốc Tế chỉ số CPI của Việt Nam thấp hơn 50.</p>	Rủi ro đáng kể
<p>ii. Quốc gia/vùng lãnh thổ có sự quản lý lâm nghiệp hoặc thực thi các biện pháp lâm nghiệp còn yếu.</p> <p>Do chỉ số Nhận thức tham nhũng của Việt Nam thấp hơn 50 theo sự đánh giá của các tổ chức Quốc Tế, do đó có khả năng việc quản lý lâm nghiệp hoặc tuân thủ các quy định của lâm nghiệp còn yếu. Do đó, Tổng Công ty vẫn tự xác định có rủi ro đáng kể ở hạng mục này và Tổng Công ty sẽ đề ra các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.</p>	Rủi ro đáng kể
<p>iii. Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”</p> <p>Các Đội sản xuất: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai chỉ trồng, chăm sóc, khai thác, thanh lý cây cao su. Theo CITES, cây cao su không nằm trong danh mục các loài động thực vật quý hiếm hoặc cần phải bảo tồn.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p>iv. Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.</p> <p>Việt Nam không nằm trong danh sách cấm vận của tổ chức LHQ hoặc các</p>	Rủi ro không đáng kể

<p>quốc gia khác.</p>	
<p><i>b. Các hoạt động liên quan đến bền vững của rừng sản xuất (gỗ và lâm sản ngoài gỗ) không được duy trì hoặc mức độ khai thác vượt quá tốc độ có thể được duy trì trong dài hạn.</i></p> <p><i>i. Theo dữ liệu công khai, chẳng hạn như Đánh giá tài nguyên rừng FAO, lượng khai thác gỗ tròn công nghiệp hàng năm vượt quá mức tăng hàng năm của trữ lượng tăng trưởng của quốc gia / khu vực xuất xứ.</i></p> <p>Năm 2025, tổng diện tích thanh lý của toàn công ty là 1.476,37 ha/31.371,94 ha (tỷ lệ 4,70%) không quá 10% diện tích của các Đội, hoạt động thanh lý này tùy theo độ tuổi của cây mà các Đội và Phòng Quản lý Kỹ thuật thống kê về Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để báo cáo Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam cho thanh lý, và sau đó công ty sẽ thực hiện việc tái canh trồng mới trên diện tích đã thanh lý. Không để diện tích đất trống, giảm thiểu tác động của xói mòn và không ảnh hưởng đến môi trường.</p>	
<p><i>c. Các hoạt động quản lý rừng không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền.</i></p> <p><i>d) Các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn hoặc bị bỏ qua.</i></p> <p>Hiện nay, hoạt động trồng cây cao su tại các Đội của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai không có sự đa dạng sinh học vì khi đến tuổi khai thác, cây cao su sẽ khép tán, chỉ có loài cây nhỏ có thể phát triển dưới tán lá cao su, về đặc tính tự nhiên do cây cao su cần nhiều ánh sáng và nhiều chất dinh dưỡng nên các loại cây khác khó cạnh tranh với nó. Bên cạnh đó, cây cao su cũng không có tính chất hấp dẫn chỉ có một ít các loại sinh vật nhỏ như chim chóc sinh sống, không có các động vật lớn, quý hiếm sinh sống trong rừng nên hệ sinh thái của nó cũng đơn lẻ. Nhìn qua, về tự nhiên, hệ sinh thái rừng cao su khá nghèo cả về sinh vật sản xuất lẫn sinh vật tiêu thụ. Chỉ có một số ít các loại cây bụi, cây nhỏ sinh sống được dưới rừng cao su. Động vật cũng ít, chủ yếu là mối, muỗi, sâu, rắn và một ít loài chim,... Chuỗi thức ăn và các quá trình sinh học trong hệ sinh thái rừng cao su cũng hạn chế hơn do hệ sinh thái vì quá đơn lập. Về mặt xã hội, để đạt hiệu quả cao thì khi trồng cây cao su, các Đội đã phát hết các loại cây trên diện tích đất đó để cho cây cao su sinh trưởng mạnh mẽ. Sau đó, khi khai thác cây cao su phải đi lại dưới tán cây hàng ngày nên cũng phải giữ môi trường sinh thái đơn lẻ đó để dễ dàng khai thác. Điều đó phần nào làm cho hệ sinh thái ở các rừng cao su có độ đa dạng sinh học thấp và phần nào ảnh hưởng môi trường ở các vùng xung quanh.</p>	<p><b>Rủi ro đáng kể</b></p>
<p><i>i. Chỉ số Hiệu suất Môi trường (EPI) cho Đa dạng sinh học &amp; Môi trường sống của đất nước thấp hơn 50. Trong trường hợp không có chỉ số EPI nào, các chỉ số khác có thể được sử dụng, chẳng hạn các yếu tố gây tranh cãi c và d, kết hợp với bằng chứng thực thi pháp luật đáng tin cậy (điểm TI CPI &gt; 50,</i></p>	<p><b>Rủi ro đáng kể</b></p>

<p>hoặc điểm số WJP (Rules of Law) &gt; 0,5)</p> <p>Theo đánh giá của các tổ chức Quốc Tế, chỉ số hiệu suất môi trường (EPI) cho Đa Dạng Sinh Học &amp; Môi trường sống của Việt Nam thấp hơn 50.</p>	
<p>e) Các hoạt động chuyển đổi rừng xảy ra, ngoài các trường hợp hợp lý khi chuyển đổi:</p> <p>i. tuân thủ chính sách và pháp luật quốc gia và khu vực áp dụng cho sử dụng đất và quản lý rừng;</p> <p>ii. không có tác động tiêu cực đến các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái, các khu vực có ý nghĩa về văn hóa và xã hội hoặc các khu vực được bảo vệ khác; và</p> <p>iii. không phá hủy các khu vực có trữ lượng carbon cao đáng kể; và</p> <p>iv. đóng góp cho bảo tồn lâu dài, lợi ích kinh tế và / hoặc xã hội.</p> <p>Các Đội: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai không có hoạt động chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang rừng trồng, các nông trường do Tổng Công ty cao su Đồng Nai quản lý tồn tại trước năm 1975</p> <p>v. Quốc gia / khu vực được xác định là đã mất diện tích rừng &gt;1% trong mười năm gần nhất, theo dữ liệu/ thông tin công khai, như FAO cung cấp.</p> <p>Hiện nay, theo đánh giá của tổ chức FAO, Việt Nam đang có độ che phủ rừng tương đối thấp do nhiều hoạt động tác động của con người lên các diện tích rừng. Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý 06 Đội (rừng sản xuất) với tổng diện tích khoảng 31.371,94 ha, tuy nhiên diện tích này hàng năm đang thu hẹp do hoạt động thanh lý cây già cỗi hoặc bàn giao lại cho địa phương phát triển kinh tế. Các hoạt động thanh lý cây cao su đều theo quy định của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, trong năm 2025, tổng diện tích thanh lý các cây già cỗi tại các nông trường do công ty quản lý để tái canh trồng mới vào dưới 10% tổng diện tích công ty quản lý.</p> <p>vi. Ở quốc gia / khu vực, diện tích có chuyển đổi từ rừng sang rừng trồng vượt quá mức tăng diện tích rừng của quốc gia / khu vực hoặc thông tin công khai, như FAO cung cấp.</p> <p>Các nông trường: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai không có hoạt động chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang rừng trồng, các nông trường do cao su Đồng Nai quản lý tồn tại trước năm 1975.</p>	<p>Rủi ro không đáng kể</p>
<p>f) Các hoạt động về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) - ILO không được đáp ứng.</p> <p>Các Đội sản xuất: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai là đơn vị trực thuộc của tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc của công ty đều phải tuân thủ các quy chế của tập đoàn, phù hợp các luật định của Việt Nam và quốc tế.</p>	<p>Rủi ro không đáng kể</p>
<p>g) Các hoạt động của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (2007)</p>	<p>Rủi ro</p>

<p><i>không được đáp ứng.</i></p> <p>Trong quá trình xây dựng hệ thống thẩm định, Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đã thực hiện các hoạt động tham vấn các bên liên quan tại các Đội đưa vào nguồn có kiểm soát, các tổ chức trong nước, chính phủ và phi chính phủ để xác định người dân tộc trong khu vực. Các khuyến nghị của các tổ chức này được Tổng công ty tổng hợp trong <i>Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i></p>	không đáng kể
<p><i>h) Nguồn gỗ gây tranh cãi</i></p> <p>Cây cao su tại các Đội: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai không phải là cây biến đổi, không nằm trong danh mục các loài cây tranh cãi.</p> <p><i>i) Các giống loài biến đổi gen</i></p> <p>Cây cao su tại các Đội: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai không phải là cây biến đổi gen, không phải loài cây nằm trong danh mục các loài cây quý hiếm cần phải bảo vệ.</p>	Rủi ro không đáng kể

## 8. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ chuỗi cung ứng

Các chỉ số	
<p><i>a) Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.</i></p> <p>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai trực thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, đang trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thành phẩm, Tổng Công ty đang bán các sản phẩm của mình đến các thị trường nội địa và quốc tế.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>b) Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.</i></p> <p>Các Đội: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai chỉ sử dụng cây cao su trong hoạt động sản xuất và thương mại mủ thành phẩm.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>c) Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một đơn vị nông trường nào trong chuỗi cung ứng.</i></p> <p>Các Đội: An Lộc, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông Quế đều trực thuộc sự quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đều tuân thủ các quy định của công ty, của pháp luật Việt Nam, không có khiếu nại khiếu kiện của các bên liên quan. Nếu có các khiếu nại liên quan đến hoạt động của các Đội, Tổng công ty sẽ thực hiện Quy trình xử lý khiếu nại để giải quyết.</p>	Rủi ro không đáng kể

## 9. Quản lý rủi ro và các điểm quan ngại

Qua đánh giá rủi ro ở cấp độ nguồn gốc và cấp độ chuỗi cung ứng, đoàn thẩm định xác định các Đội của công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đang được đưa vào nguồn có kiểm soát PEFC bao gồm: Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Ông

Quế đang có rủi ro đáng kể trong danh sách rủi ro đáng kể về cấp độ nguồn gốc. Tổng công ty đưa ra các biện pháp kiểm soát đối với 04 Đội chưa có chứng nhận này. Theo các hướng dẫn của tiêu chuẩn PEFC liên quan đến các quốc gia có chỉ số CPI thấp (PEFC GD 2001), tổ chức phải đưa ra các bằng chứng liên quan: Quy tắc ứng xử, danh sách luật áp dụng, các hồ sơ đánh giá tác động môi trường, chính sách người lao động, hồ sơ thuế, thương mại hải quan, quyền của người dân địa phương, quy trình giải quyết các xung đột để chứng minh tổ chức tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế hiện hành. Các bằng chứng và biện pháp kiểm soát được công ty đưa ra dựa vào việc tham vấn các bên liên quan, tổng hợp hồ sơ và việc tuân thủ thực hiện các biện pháp kiểm soát một cách đầy đủ.

Ngoài ra, trong hệ thống quản lý, Tổng công ty cũng có các bằng chứng, hồ sơ liên quan để cam kết các hoạt động của công ty là tuân thủ pháp luật và minh bạch đáp ứng các chỉ tiêu để hạn chế các chỉ số về CPI:

<b>Hạng mục: Hoạt động lâm nghiệp và khai thác, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý các khu vực có giá trị văn hóa và môi trường cao được chỉ định; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm cả yêu cầu của Công ước CITES.</b>		
<b>Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC</b>	<b>Các yêu cầu của luật định</b>	<b>Phương pháp kiểm soát của tổ chức</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài liệu liên quan đến quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất</li> <li>• Thỏa thuận hợp đồng, giao khoán.</li> <li>• Các cam kết của tổ chức về việc tuân thủ hoạt động lâm nghiệp và khai thác.</li> <li>• Các kế hoạch khai thác được chấp thuận</li> <li>• Các quy tắc ứng xử (nếu có)</li> <li>• Thông tin (có sẵn) công khai thể hiện sự giám sát chặt chẽ về luật pháp và quy trình kiểm soát và theo dõi.</li> <li>• Ngành lâm nghiệp không gắn với xung đột vũ trang bạo lực, bao gồm đe dọa an ninh quốc gia hoặc</li> </ul>	<p>Quyền quản lý/sử dụng đất Luật áp dụng hiện hành - Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ ngày 01/08/2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các Nghị định + 71/2024/NĐ-CP + 99/2022/NĐ-CP + 88/2024/NĐ-CP + 102/2024/NĐ-CP</li> <li>• Các Thông tư + 23/2014/TT-BTNMT + 02/2015/TT-BTNMT + 09/2021/TT-BTNMT + 02/2023/TT-BTNMT + 10/2024/TT-BTNMT + 08/2024/TT-BTNMT + 20/2024/TT-BTNMT</li> </ul>	<p>Quyền sở hữu/ quyền sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra sổ đỏ phù hợp với luật pháp Việt Nam, Tổng Công ty phối hợp với Trung tâm địa chính thuộc Sở TNMT xác định ranh giới, chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Đội thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai.</li> <li>- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai. cũng tham vấn với các bên liên quan bao gồm chính quyền địa phương về ranh giới các Đội chưa có chứng nhận, quản lý đất, tranh chấp đất đai.</li> <li>- Tổng Công ty không có các tranh chấp về đất đai với người dân. Công ty luôn tạo điều kiện để người dân được ký biên bản giáp ranh với phần diện tích giáp với các Đội Tổng Công ty quản lý.</li> <li>- Thời điểm hiện tại, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai đang từng bước hoàn thiện hồ sơ đưa các nhà cung</li> </ul>

<p>khu vực và / hoặc liên quan đến kiểm soát quân sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài liệu được ban hành chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại một quốc gia khai thác:</li> <li>• Đánh giá tác động môi trường.</li> <li>• Các kế hoạch quản lý môi trường.</li> <li>• Báo cáo đánh giá tác động môi trường.</li> <li>• Báo cáo kiểm kê rừng</li> <li>• Giấy phép xuất khẩu CITES.</li> <li>• Có những cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến ngành lâm nghiệp đang phải đối mặt với lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc</li> </ul>	<p><u>Kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển:</u>  <u>1) Luật pháp Việt Nam đang áp dụng:</u>  Luật Lâm nghiệp 16/2017/QH14</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nghị định:  + 156/2018/NĐ-CP  + 06/2019/NĐ-CP  + 83/2020/NĐ-CP  + 58/2024/NĐ-CP  + 91/2024/NĐ-CP  + 35/2025/NĐ-CP  + 131/2025/NĐ-CP  + 136/2025/NĐ-CP</li> <li>• Các thông tư  + 50/2010/TT-BNN PTNT  + 35/2011/TT-BNNPTNT  + 27/2018/TT-BNNPTNT  + 09-LN/KL  + 13/2023/TT-BNNPTNT  + 22/2023/TT-BNNPTNT  + 22/2024/TT-BNNPTNT  + 24/2024/TT-BNNPTNT  + 26/2025/TT-BNNMT  + 27/2025/TT-BNNMT  + QPN/14-92 (200/QĐ-KT)  + 2198/CNR</li> </ul>	<p>cấp là các hộ tiểu điền vào trong hệ thống thẩm định DDS.</p> <p>Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai quản lý 06 Đội sản xuất đang trồng và khai thác mủ cây cao su.</p> <p>Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai ban hành các quy định liên quan đến kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Công ty có kế hoạch khai thác mủ của các Đội sản xuất, kể cả Đội có chứng nhận và chưa có chứng nhận.</li> <li>- Tổng Công ty có lịch điều phối lượng mủ của các Đội sản xuất về các nhà máy chế biến đáp ứng hoạt động SXKD.</li> </ul> <p>Quá trình khai thác mủ được thực hiện đúng theo quy trình thu gom, bảo quản, nghiệm thu và vận chuyển nguyên liệu, cán bộ phụ trách của các Đội sản xuất tiến hành nhận dạng mủ từ vườn cây bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên Đội, Số tank, tách riêng nguyên liệu có chứng nhận FM, nguyên liệu CS và nguyên liệu HP</li> <li>- Xe vận chuyển do các Đội sản xuất quản lý chở mủ tươi về nhà máy. Các xe đều có hồ sơ quản lý của Đội như: giấy phép phương tiện, đăng kiểm, tải trọng xe, tên tài xế phụ trách vận chuyển.</li> <li>- Cán bộ phụ trách các Đội sản xuất, nhà máy lưu giữ các số liệu liên quan đến mủ nguyên liệu</li> <li>- Tại các nhà máy chế biến, cán bộ phụ trách tiếp nhận lượng mủ chưa có chứng nhận, với các giấy tờ, số liệu từ các Đội sản xuất, sẽ tiến hành đổ vào các hồ có nhận dạng nguồn nguyên liệu.</li> <li>- Tổng Công ty thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc khai thác mủ tại các Đội sản xuất và vận chuyển mủ đến nhà máy. Việc kiểm tra này sẽ do Tổng Công ty hoặc xí</li> </ul>
--	---	---

	<p>ngành chế biến lập tổ kiểm tra, kiểm soát quá trình.</p> <p>Đối với mù của tiểu điền hiện tại về nhà máy được tách biệt, không cho trộn lẫn vào trong hệ thống mù có chứng nhận của 02 Đội có chứng nhận và 04 Đội sản xuất được đưa vào nguồn có kiểm soát.</p> <p>Kiểm soát việc ô nhiễm trong quá trình vận chuyển mù gây nên: Tuyên truyền, nhắc nhở các xe vận chuyển mù trước khi lăn bánh xe phải khô ráo, không được để nước chảy trên đường, đi đúng tốc độ quy định, tránh gây ảnh hưởng đến người dân địa phương khu vực nông trường.</p> <p>Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư các bể xử lý nước thải từ hoạt động khai thác mù tại các trạm thu mù của tất cả 06 Đội sản xuất.</p> <p>Ngoài ra, vấn đề rác thải tại khu vực khai thác mù, công ty tập huấn hướng dẫn người lao động phân loại rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại và rác thải tái chế. Riêng rác thải do người dân bỏ vào trong các lô cao su, công ty có quy chế phối hợp với địa phương để tuyên truyền nhắc nhở, xử phạt các trường hợp bỏ rác không đúng nơi quy định.</p> <p>Tổng Công ty đang áp dụng thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015. Tổng Công ty đã đầu tư các hồ xử lý nước thải trong lô để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường.</p>
<p><b>Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của Công ty:</b></p> <p>1. <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u>  Đoàn đánh giá đã kiểm tra là kết luận các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.</p> <p>2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u>  Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, các nhà máy chế biến và các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.  Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật</p>	

danh mục các luật áp dụng của công ty, các nhà máy chế biến và tại các Đội sản xuất trực thuộc.

### 3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty

Đoàn đánh giá kiểm tra các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty bằng việc phỏng vấn các bên liên quan (chính quyền địa phương, hộ dân xung quanh Đội sản xuất, ...) các biện pháp của Công ty đã đảm bảo việc kiểm soát các rủi ro.

Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra thực địa, đoàn đánh giá cũng ghi nhận các ý kiến đóng góp của các hộ dân cũng như chính quyền địa phương về hoạt động trồng, chăm sóc khai thác cây cao su. Các ý kiến đóng góp liên quan đến các hoạt động đóng góp các phúc lợi cho cộng đồng. Tổng Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động để hỗ trợ cho cộng đồng: Việc làm, phúc lợi, điện, đường, trường, trạm. Tuy nhiên sẽ phụ thuộc vào điều kiện của Tổng Công ty để có các hoạt động hỗ trợ cộng đồng phù hợp.

Tổng Công ty có kế hoạch thực hiện xử lý các vấn đề môi trường tại các Đội sản xuất và quy chế phối hợp với chính quyền địa phương. Các biện pháp kiểm soát là phù hợp.

#### Hạng mục: An toàn lao động sức khỏe

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<p>(a) Các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể có được tôn trọng?</p> <p>(b) Có bằng chứng xác nhận không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động?</p> <p>(c) Có bằng chứng không sử dụng lao động trẻ em?</p> <p>(d) Có bằng chứng xác nhận không phân biệt đối xử trong việc làm và/hoặc nghề nghiệp, và/ hoặc giới tính?</p> <p>(e) điều kiện làm việc không đảm bảo an toàn lao động sức khỏe?</p> <p>(f) là nước ký kết các công ước tổ chức lao động quốc tế ILO</p>	<p><u>Luật áp dụng hiện hành</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>The guideline of FAO Reduced Impact Logging (RIL) published by Vietnam Forestry Administration in 2007.</li> </ul> <p>+ 46/2014/QH13            + 45/2019/QH14            + 41/2024/QH15            + 51/2024/QH15            + 55/2024/QH15            + 05/2012/TT-BLĐTBXH            + 27/2013/TT-BLĐTBXH            + 09/2019/TT-BLĐTBXH            + 18/2021/TT-BLĐTBXH            + 18/2022/TT-BLĐTBXH            + 25/2022/TT-BLĐTBXH            + 10/2008/CT-TTg            + 19/2016/TT-BYT            + 19/2019/TT-BYT</p>	<p>Tổng Công ty có danh sách về cán bộ CNV của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và Đội sản xuất, có hợp đồng lao động, bảng lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.</p> <p>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai ban hành các quy định về An toàn lao động sức khỏe áp dụng cho xí nghiệp chế biến và các Đội do Tổng Công ty quản lý.</p> <p>Định kỳ Tổng Công ty tổ chức đối thoại định kỳ giữa người sử dụng lao động, và người lao động bằng hình thức đối thoại riêng biệt theo chuyên đề, và đối thoại kết hợp với hội nghị người lao động hàng năm. Việc xây dựng và ký kết thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, Tổng Công ty đã lấy ý kiến của người lao động, đồng thời phổ biến thỏa ước tới người lao động sau khi ký kết thỏa ước. Các chính sách cam kết của Tổng Công ty với người lao động đều được ban hành, phổ biến đến toàn thể CB-CNV.</p>

**Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:**

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, nhà máy chế biến và các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, nhà máy chế biến và tại các Đội sản xuất trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các Đội sản xuất trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty

Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn người lao động về chế độ làm việc, phúc lợi của Tổng Công ty và cả điều kiện làm việc đáp ứng đầy đủ và cao hơn so với mặt bằng chung của địa phương

Công nhân làm việc cho Tổng Công ty luôn được tập huấn an toàn lao động – sức khỏe nghề nghiệp, đối với công nhân lao động trực tiếp là nữ được hỗ trợ được trang cấp bảo hộ lao động, được khám sức khỏe định kỳ và thăm khám bệnh nghề nghiệp theo quy định .

Tổng Công ty không sử dụng lao động gia thuộc và trẻ em trong hoạt động của mình.

Các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty là phù hợp.

**Hạng mục: Quyền người bản địa (người dân địa phương), tài sản, quyền sở hữu đất đai của người dân tộc**

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Các Đánh giá tác động môi trường. Kế hoạch quản lý môi trường. Báo cáo kiểm tra môi trường Các thỏa thuận trách nhiệm xã hội? Có người bản địa và/ hoặc các dân tộc truyền thống trong khu vực được đánh giá không? Có dấu hiệu vi phạm các quyền hợp pháp và tập quán của người bản địa/ các dân tộc truyền thống không? Có các quy định trong Công ước ILO 169 và UNDRIP được	<u>Luật áp dụng hiện hành:</u> + 58/2014/QH13 + 91/2015/QH13 + 28/2018/TT-BNNPTNT	Tổng Công ty xác định rõ người dân tộc trong các huyện, tỉnh, phỏng vấn chính quyền về người dân tộc hiện hữu trong khu vực, quyền của người bản địa, lao động trong khu vực, xung đột hay mâu thuẫn giữa người đồng bào và người Kinh. Tổng Công ty tham vấn với chính quyền địa phương, ban dân tộc, kiểm lâm địa bàn về việc đối xử công bằng giữa người Kinh (đa số) và người đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là Châu Ro và số ít người Hoa - số người dân tộc này không đáng kể, đã hòa nhập với cuộc sống người dân địa phương, không còn giữ các giá trị truyền thống văn hóa nữa. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra xung đột liên quan đến sở

<p>thi hành trong khu vực có liên quan không?</p> <p>Có bất kỳ luật, quy định, hoặc quy trình được công nhận nào để giải quyết các mâu thuẫn đáng kể về quyền người bản địa hoặc các dân tộc truyền thống hoặc các cộng đồng có quyền truyền thống không?</p> <p>Việc giải quyết xung đột được chấp thuận rộng rãi bởi các bên liên quan có hợp lý và công bằng không?</p>		<p>hữu đất đai hoặc quyền sử dụng đất đối với các hộ dân sống giáp ranh với các Đội sản xuất.</p>
--	--	---

**Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:**

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:
 

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.
2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:
 

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các Đội đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và tại các Đội trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và Đội trực thuộc.
3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Công ty
 

Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn, lấy ý kiến tham vấn từ địa phương để thống kê người đồng bào dân tộc trong khu vực.

Các đóng góp của Tổng Công ty đối với người dân địa phương về lao động và các đãi ngộ nếu có.

Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.

**Hạng mục: Thuế GTGT & các loại thuế doanh thu khác**

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<p>Phải lưu giữ các hồ sơ về thuế phí trong hoạt động của Công ty</p>	<p>Luật áp dụng hiện hành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nghị định:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 45/2009/QH12</li> <li>+ 32/2013/QH13</li> <li>+ 71/2014/QH13</li> <li>+ 61/2020/QH14</li> </ul> </li> </ul>	<p>Tổng Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam về các loại thuế.</p> <p>Tổng Công ty lưu giữ đầy đủ các giấy tờ về thuế và thuế doanh thu khác. Thuế kiểm toán độc lập kiểm toán hằng năm công khai.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ 12/2022/QH15</li> <li>+ 5/2023/QH15</li> <li>+ 50/2010/NĐ-CP</li> <li>+ 12/2015/NĐ-CP</li> <li>+ 79/2019/NĐ-CP</li> <li>+ 126/2020/NĐ-CP</li> <li>+ 25/2024/NĐ-CP</li> <li>+ 82/2025/NĐ-CP</li> <li>+ 174/2025/NĐ-CP</li> <li>+ 181/2025/NĐ-CP</li> <li>+ 52/2024/NĐ-CP</li> <li>+ 204/2025/QH15</li> <li>• Các thông tư</li> <li>+ 201/2013/TT-BTC</li> <li>+ 205/2013/TT-BTC</li> <li>+ 76/2014/TT-BTC</li> <li>+ 78/2014/TT-BTC</li> <li>+ 96/2015/TT-BTC</li> <li>+ 89/2024/TT-BTC</li> <li>+ 69/2025/TT-BTC</li> </ul>	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng năm cho người lao động.
--	--	--

**Hạng mục: Thương mại và thủ tục hải quan**

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<p>Tổ chức phải lưu giữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hợp đồng mua bán</li> <li>- Các chứng từ tài chính ngân hàng, hoạt động thương mại,</li> <li>- Giấy phép xuất nhập khẩu (nếu có)</li> <li>- Các hóa đơn chứng từ xuất nhập.</li> <li>- Danh sách các quốc gia, công ty bị cấm xuất nhập khẩu.</li> <li>Quota xuất khẩu (nếu có)</li> </ul>	<p>Luật áp dụng hiện hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luật thương mại 2005</li> <li>+ Luật QL ngoại thương 2017</li> <li>+ 54/2014/QH13</li> <li>+ 107/2016/QH13</li> <li>+ 38/2019/QH14</li> <li>+ 134/2016/NĐ-CP</li> <li>+ 18/2021/NĐ-CP</li> <li>+ 08/2015/NĐ-CP</li> <li>+ 59/2018/NĐ-CP</li> <li>+ 39/2018/TT-BTC</li> <li>+ 40/2021/TT-BTC</li> </ul>	<p>Quy trình bán hàng và thực hiện theo giá sàn mà tập đoàn yêu cầu tuân thủ công khai.</p> <p>Tổng Công ty lưu các hồ sơ liên quan đến các hoạt động thương mại và thủ tục hải quan. Hoạt động lưu hồ sơ của Tổng Công ty được lưu giữ trong 5 năm.</p>

**Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:**

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và tại các Đội sản xuất trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các Đội sản xuất trực thuộc.

### 3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty

Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn dựa vào kết quả của việc đánh giá nội bộ hàng năm để xem xét việc tuân thủ của các bộ phận liên quan trong hoạt động quản lý của Tổng Công ty.

Các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty là phù hợp.

### **Hạng mục: Việc sử dụng loài biến đổi gen**

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Giấy phép xuất khẩu Nhận định rõ ràng loài	+ 11/2006/QĐ-TTg. + 69/2010/NĐ-CP. + 118/2020/NĐ-CP. + 69/2010/NĐ-CP. + 21/2012/TT-BKHHCN.	Theo thông tư Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ban hành về Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì cây cao su không phải loài cây được đề cập. Tổng Công ty cam kết không có thương mại hoặc sử dụng các loài cây GM trong khu vực được đánh giá và quản lý. Tổng Công ty có thống kê các giống loài đang còn lại trong các lô cao su, Tổng Công ty lập ra các biện pháp bảo vệ các giống loài cần bảo vệ.

### **Hạng mục: Chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng hay từ rừng sang trồng hoa màu (cây nông nghiệp).**

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC: không được chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng hoặc mục đích sử dụng ngoài rừng.	- Luật Lâm nghiệp 2017 - 08/2022/NĐ-CP - 101/2024/NĐ-CP - 102/2024/NĐ-CP - 103/2024/NĐ-CP - 21/2016/TT-BNNPTNT. - 27/2018/TT-BNNPTNT	Tổng Công ty kiểm tra sổ đỏ, giấy giao khoán đất của các Đội sản xuất phù hợp với luật pháp Việt Nam và yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC. Tham vấn với chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn kiểm tra lại các ranh giới đất đai của các Đội. Kiểm tra toàn bộ các hợp đồng giao khoán đất, thuê đất từ tập

		đoàn, cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với yêu cầu của luật pháp và yêu cầu tiêu chuẩn PEFC.
--	--	--

**Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:**

**1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:**

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

Các kết quả tham vấn và các hồ sơ liên quan đến nguồn gốc đất Tổng Công ty không có hoạt động chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng.

**2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:**

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các Đội sản xuất đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và tại các Đội sản xuất trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và Đội sản xuất trực thuộc.

**3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Công ty**

Đoàn đánh giá kết luận các biện pháp của công ty đã thực hiện kiểm soát nguyên liệu, không có sự trộn lẫn nguyên liệu hoặc có diện tích đất chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng.

Trên đây là báo cáo Tham vấn – Thẩm định DDS Hệ thống VFCS/PEFC – FM và chuỗi hành trình sản phẩm PEFC/CoC năm 2025

Kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban chỉ đạo PTBV;
- Tổ Xây dựng và thực hiện PTBV;
- Lưu: VT, BCĐPTBV.

**NGƯỜI BÁO CÁO**

**LÊ THỊ LỆ HẰNG**  
TỔ TRƯỞNG TỔ XÂY DỰNG  
VÀ PTBV

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐỖ MINH TUẤN**  
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2025

## BẢNG THU THẬP THÔNG TIN KHÁCH HÀNG CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU

(Đính kèm báo cáo Tham vấn-đánh giá rủi ro nguồn mù nguyên liệu khai thác từ các Đội sản xuất năm 2025  
số: 03/BC-BCĐPTBV ngày 17 tháng 12 năm 2025)

### Thông tin chung:

- Tên thường gọi: Cây cao su
- Tên Khoa học: Hevea brasiliensis.

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng	Giống	Diện tích (ha)	Nguồn nguyên liệu	Quốc gia sản xuất
1	Đội An Lộc	Phường Bình Lộc, Tỉnh Đồng Nai	GT 1	36,81	100% PEFC số chứng nhận: GFA-FM/CoC-500498	VIỆT NAM
			LK 102	15,72		
			PB 255	213,25		
			PB 235	0,40		
			PB 260	232,87		
			PB 86	5,30		
			POLY	24,45		
			RR 600	1,07		
			RR 707	0,17		
			RRIC 121	42,14		
			RRIV 1	384,91		
			RRIV 106	289,74		
			RRIV 103	86,74		
			RRIV 107	84,86		
RRIV 109	146,68					

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng	Giống	Diện tích (ha)	Nguồn nguyên liệu	Quốc gia sản xuất
			RRIV 112	18,07		
			RRIV 114	646,58		
			RRIV 115	85,42		
			RRIV 124	814,24		
			RRIV 209	754,42		
			RRIV 3	32,37		
			RRIV 4	146,52		
			RRIV 5	266,24		
			VM 515	103,94		
			TNG	55,19		
			<b>Tổng diện tích</b>	<b>4.488,11</b>		
2	<b>Đội Bình Lộc</b>	Phường Bình Lộc, Tỉnh Đồng Nai	AH1	381,26	100% PEFC số chứng nhận: GFA-FM/CoC- 500498	VIỆT NAM
			GT 1	113,19		
			IRCA 130	17,06		
			PB 255	410,30		
			PB 235	28,84		
			PB 260	429,96		
			RR 600	85,79		
			RRIV 1	475,19		
			RRIV 106	218,03		
			RRIV 103	157,38		
			RRIV 107	38,92		
			RRIV 109	87,50		
			RRIV 112	4,37		
			RRIV 114	414,64		
			RRIV 115	36,88		
			RRIV 124	585,60		
			RRIV 2	40,23		
			RRIV 205	1,67		
			RRIV 209	217,09		

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng	Giống	Diện tích (ha)	Nguồn nguyên liệu	Quốc gia sản xuất
			RRIV 3	87,09		
			RRIV 4	211,26		
			RRIV 5	123,53		
			VM 515	211,23		
			TNG	23,41		
			<b>Tổng diện tích</b>	<b>4.400,42</b>		
			GT 1	97,17		
			LK 206	18,52		
			PB 255	469,45		
			PB 235	51,73		
			PB 260	385,25		
			RR 600	5,87		
			RRIV 1	496,74		
			RRIV 106	59,08		
			RRIV 103	61,91		
			RRIV 107	19,37		
			RRIV 109	186,21		
			RRIV 112	13,52		
			RRIV 114	474,98		
			RRIV 115	41,55		
			RRIV 124	951,18		
			RRIV 209	278,97		
			RRIV 3	52,47		
			RRIV 4	454,50		
			RRIV 5	123,54		
			VM 515	138,61		
			TNG	26,87		
			<b>Tổng diện tích</b>	<b>4.407,49</b>		
	Đội Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai				

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng	Giống	Diện tích (ha)	Nguồn nguyên liệu	Quốc gia sản xuất
6	Đội Cẩm Đường	Xã Xuân Đường, Tỉnh Đồng Nai	AH1	260,13	Nguyên liệu PEFC - CS: nguồn nguyên liệu có kiểm soát theo tiêu chuẩn PEFC	VIỆT NAM
			GT 1	23,95		
			IRCA 130	26,20		
			LK 202	47,63		
			PB 255	303,59		
			PB 260	621,42		
			RR 600	103,34		
			RRIV 1	354,55		
			RRIV 106	151,08		
			RRIV 103	132,14		
			RRIV 107	165,73		
			RRIV 109	152,54		
			RRIV 114	347,08		
			RRIV 115	240,52		
			RRIV 124	1.227,41		
			RRIV 2	40,84		
			RRIV 205	15,20		
			RRIV 209	210,00		
			RRIV 3	84,57		
			RRIV 4	503,29		
RRIV 5	299,97					
VM 515	69,63					
TNG	215,90					
			<b>Tổng diện tích</b>	<b>5.596,69</b>		
7	Đội Ông Quế	Xã Xuân Quế, Tỉnh Đồng Nai.	AH1	254,83	Nguyên liệu PEFC - CS: nguồn nguyên liệu có kiểm soát theo tiêu chuẩn PEFC	VIỆT NAM
			PB 255	650,66		
			PB 260	255,93		
			RRIC 121	83,39		
			RRIV 1	388,65		

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng	Giống	Diện tích (ha)	Nguồn nguyên liệu	Quốc gia sản xuất
			RRIV 106	187,49		
			RRIV 103	195,65		
			RRIV 107	40,48		
			RRIV 109	187,07		
			RRIV 114	889,76		
			RRIV 115	187,94		
			RRIV 124	1.133,43		
			RRIV 2	15,11		
			RRIV 209	493,09		
			RRIV 3	70,29		
			RRIV 4	199,28		
			RRIV 5	225,14		
			VM 515	124,28		
			TNG	94,05		
			<b>Tổng diện tích</b>	<b>5.676,50</b>		
9	<b>Đội Long Thành</b>	Xã Bình An, Tỉnh Đồng nai	AH1	44,96	Nguyên liệu PEFC - CS: nguồn nguyên liệu có kiểm soát theo tiêu chuẩn PEFC	VIỆT NAM
			GT 1	60,88		
			IPCC	8,16		
			IRCA 130	6,87		
			PB 255	234,77		
			PB 260	853,23		
			POLY	28,15		
			RR 600	240,90		
			PR 107	16,52		
			RRIC 121	138,13		
			RRIV 1	479,41		
			RRIV 106	239,83		
			RRIV 103	159,96		

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ văn phòng	Giống	Diện tích (ha)	Nguồn nguyên liệu	Quốc gia sản xuất
			RRIV 107	139,63		
			RRIV 109	104,26		
			RRIV 114	491,99		
			RRIV 115	75,24		
			RRIV 124	1.748,57		
			RRIV 209	778,11		
			RRIV 3	77,07		
			RRIV 4	135,63		
			RRIV 5	386,83		
			VM 515	224,28		
			TNG	129,35		
			<b>Tổng diện tích</b>	<b>6.802,73</b>		